

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BỈM SƠN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/ 2019 /HS-ST

Ngày: 27/ 8 /2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Đình Hồng; Bà Đặng Thị Thỏ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Trung - CB Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn tham gia phiên tòa:**

Bà: Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33 / 2019 /TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30 / 2019 /QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo :

**NGUYỄN THỊ H** sinh ngày 04 tháng 05 năm 1987 tại: Thôn X, xã Q , thị xã B , tỉnh T . Nơi cư trú: Thôn X, xã Q , thị xã B , tỉnh T ; nghề nghiệp : Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh giới tính: Nam ; tôn giáo: không ; Quốc tịch: Việt nam; Con ông : Nguyễn Văn T sinh năm 1961 và bà : Tống Thị C sinh năm 1966 có chồng là Nguyễn Văn H sinh năm 1983 ; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010; con nhỏ sinh năm 2019 ; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Chị Mai Thị N sinh năm 1996

Trú tại: Thôn Y , xã Q , thị xã B , tỉnh T ( vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 11/3/2019, chị Mai Thị N sinh năm 1996 trú tại Thôn Y , xã Q , thị xã B , tỉnh T đến nhà ông Tống Quang H sinh năm 1950 ở cùng thôn để dự đám cưới

con gái ông H. Khoảng 9 giờ cùng ngày do bận trang điểm cho cô dâu chị N để chiếc túi sách ở bậc cầu thang số 2 từ dưới lên. Lúc này, Nguyễn Thị H cũng có mặt ở đó. Nhìn thấy chiếc túi sách của chị N bị đổ nghiêng, thấy trong túi sách có tiền nên H nảy sinh lòng tham. Lợi dụng sự sơ hở của chị N H dùng tay trái lấy tiền trong chiếc túi sách rồi vo tròn tiền trong lòng bàn tay cất giấu. Đến khoảng 12 giờ trưa cùng ngày chị N bắt xe lên thành phố T để đi làm thì phát hiện toàn bộ số tiền 3.250.000đ để ở trong ngăn khóa nhỏ của chiếc túi sách màu đen, có dây đeo bằng sích inox màu vàng, có lắp hình hai chữ G lồng vào nhau đã bị mất. Chị N được thông báo là có chị Tống Thị H sinh năm 1988 (con gái ông H), đi từ trên tầng 2 xuống nhìn thấy Nguyễn Thị H tay trái cầm một nắm tiền lấy từ trong túi của chị N để ở bậc cầu thang. Chị H nghĩ đó là chiếc túi của H nên không nói gì. Ngày 13/3/2019 chị N nhắn tin cho chị Nguyễn Thị H để hỏi về số tiền đã mất. Tại cơ quan điều tra công an thị xã B H khai là nhặt được số tiền trên và đã trả lại cho chị N.

Trong giai đoạn điều tra, H không nhận trộm cắp tiền của chị N và khai nhặt được tiền ở ngoài nhưng chị H khai đã tận mắt trông thấy H lấy tiền trong túi sách của chị N. Vì vậy, cơ quan điều tra công an đã có đủ căn cứ để kết luận H trộm cắp tiền của chị Mai Thị N tại gia đình ông H. Đến giai đoạn truy tố H mới nhận tội lấy cắp tiền của chị N.

Đối với việc anh Tống Minh D bị mất số tiền 4.000.000đ và nghi ngờ cho chị H lấy Do anh D không xác định được thời điểm bị mất tiền, không tận mắt nhìn thấy và cũng không có ai nhìn thấy việc H lấy tiền của anh D. Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B H khai nhận đã nhặt được số tiền trên vào ngày 07/03/2019 ở trước cổng nhà anh D ngày 13/3/2019 sau khi nhận được thông báo của anh D về việc bị mất số tiền trên Nguyễn Thị H đã tự nguyện trả lại đúng số tiền anh D bị mất. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với H. Số tiền bị cáo lấy của chị N 3.250.000đ bị cáo đã trả lại cho chị N. Chị N nhận lại số tiền và không có ý kiến gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 31 / CT-VKSBS ngày 12/ 8 /2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T đã truy tố Nguyễn Thị H về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 BLHS năm 2015 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo với mức án là: 6 ( sáu) đến 9( chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 ( mười hai) đến 18 ( mười tám) tháng.,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

**Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:**

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Hình sự từ các hành vi đến việc ban hành các quyết định tố tụng .

[ 2] **Về hành vi phạm tội của bị cáo:** Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Căn cứ lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 11/3/2019, tại nhà ông Tống Quang H thôn Y xã Q , thị xã B , Nguyễn Thị H đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của chị Mai Thị N trong lúc trang điểm cô dâu, không để ý nên đã chiếc túi sách đồ nghiêng nên đã để lộ số tiền trong túi sách đã nảy lòng tham của bị cáo. Bị cáo đã dùng tay trái lấy tiền trong túi sách và vo tròn trong lòng bàn tay cất dấu. Số tiền bị cáo lấy được trong túi của chị N là 3.250.000đ ( *ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “ **Trộm cắp tài sản**’ được quy định tại khoản 1 điều 173 của BLHS năm 2015.

[3] **Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:** Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thật thà, thành khẩn, tài sản phạm tội không lớn đã được trả lại cho người bị hại. Vì vậy, gây thiệt hại không lớn cho người bị hại. Ngoài ra hội đồng xét xử cũng xét bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên khi lượng hình được giảm nhẹ hình phạt theo các điểm i; s; h khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] **Về nhân thân:** Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] **Về trách nhiệm dân sự:** Số tiền 3.250.000đ bị cáo lấy của chị Mai Thị N đã được trả lại cho chị N, chị N không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

[6] **Về án phí:** áp dụng khoản 2 điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị H nộp án phí HSST là 200.000đ

*Căn cứ vào những nhận định trên*

## QUYẾT ĐỊNH

-**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội : “ **Trộm cắp tài sản**”

- **áp dụng:** khoản 1 điều 173; các điểm i; s; h khoản 1 điều 51 và khoản 1,2 điều 65 BLHS năm 2015.

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thị H 6( sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 ( mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ( 27/8/2019)

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND xã Q , thị xã B tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 ( hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 điều 69 luật Thi hành án Hình sự .

**Về án phí:** áp dụng khoản 2 điều 136 bộ luật Tố tụng Hình sự, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị H nộp án phí HSST là 200.000 đ ( *Hai trăm ngàn đồng*).

án xử công khai sơ thẩm , bị cáo Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( 27/8/2019). Người bị hại chị Mai Thị N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

-VKS Bim son

-NTGTT

-Thi hành án HS

-Chi cục THADân sự bs

- Tòa án tỉnh Thanh hóa

-Lưu CQ

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Hương**

